

# ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG VÀ SINH HOẠT CỦA CÔNG NHÂN LÀM VIỆC TẠI CÁC TRẠM ĐÈN BIỂN KHU VỰC ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

Trần Thị Quỳnh Chi<sup>1</sup>, Nguyễn Văn Tâm<sup>1,2</sup>, Chu Thị Hoa<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả đặc điểm điều kiện lao động và sinh hoạt của công nhân làm việc trên các trạm đèn biển khu vực Đông Bắc Việt Nam năm 2023. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện thông qua đo các yếu tố vi khí hậu, tiếng ồn, chiếu sáng trên 19 trạm đèn biển. Phỏng vấn trực tiếp 201 công nhân đèn biển để tìm hiểu điều kiện tổ chức lao động và sinh hoạt, công tác chăm sóc y tế và an toàn vệ sinh lao động. **Kết quả:** 100% các trạm đèn biển có nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió nằm trong tiêu chuẩn vệ sinh cho phép; 2/19 trạm đèn biển có cường độ tiếng ồn vượt quá tiêu chuẩn vệ sinh cho phép. Môi trường vi xã hội: 100% là nam giới. 98,5% công nhân làm việc trên trạm đèn biển liên tục 3 tháng. Tỷ lệ công nhân đèn biển uống bia, rượu là 61,1% trong đó lạm dụng rượu là 13,9%. Tỷ lệ hút thuốc lá là 32,4%. 61,2% công nhân được đào tạo về cấp cứu ban đầu; 91,5% công nhân được đào tạo về an toàn vệ sinh lao động. 100% trạm đèn biển có tủ thuốc sơ cấp cứu và băng vết thương; 52,6% có nẹp cứu thương. 100% công nhân được khám sức khỏe định kỳ và có thẻ bảo hiểm y tế. **Kết luận:** Điều kiện lao động của công nhân đèn biển khá đặc biệt, môi trường vi xã hội toàn nam giới, công

việc mang tính ca kíp và cô lập với đất liền, công tác chăm sóc y tế còn khó khăn, chưa đảm bảo.

**Từ khóa:** Điều kiện lao động và sinh hoạt, công nhân, đèn biển

## SUMMARY

### LABOR AND LIVING CONDITIONS OF WORKERS WORKING AT LIGHTHOUSE STATIONS IN THE NORTHEAST REGION OF VIETNAM

**Objective:** Describe the characteristics of labor conditions of workers working at lighthouse stations in the Northeast region of Vietnam in 2023. **Methods:** The cross-sectional descriptive study was conducted by measuring microclimate factors, noise, and lighting at 19 lighthouse stations. Direct interviews with 201 lighthouse workers to learn about labor and living conditions, medical care and labor safety and hygiene. **Results:** 100% of lighthouse stations have temperature, humidity, and wind speed within allowed hygiene standards; 2/19 light stations have noise levels exceeding the allowed hygiene standards. Micro-social environment: 100% male. 98.5% of workers work on the lighthouse station continuously for 3 months. The rate of lighthouse workers drinking beer and alcohol was 61.1%, of which 13.9% abuse alcohol. The smoking rate was 32.4%; 61.2% of workers were trained in first aid; 91.5% of workers were trained on occupational safety and hygiene. 100% of lighthouse stations have first aid medicine cabinets and wound dressings; 52.6% had an ambulatory brace. 100% of workers receive regular health checks and have health insurance cards. **Conclusions:** The labor

<sup>1</sup>Viện Y học biển Việt Nam, Hải Phòng

<sup>2</sup>Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Văn Tâm

Email: nvtam@hpmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/07/2024

Ngày phản biện khoa học: 23/07/2024

Ngày duyệt bài: 05/06/2024

conditions of lighthouse workers are quite special, the micro-social environment is all-male, the worker is shift-based and isolated from the mainland, medical care is still difficult and not guaranteed.

**Keywords:** labor and living conditions, worker, lighthouse

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là quốc gia biển với bờ biển dài khoảng 3.260 km từ Bắc vào Nam và hơn 3.000 hòn đảo lớn nhỏ; trong đó, gần 50% dân số sinh sống ở vùng duyên hải, 28 tỉnh thành ven biển, kinh tế biển đóng góp 60% tổng GDP của cả nước.

Để phát triển các ngành kinh tế biển phải kể đến lực lượng lớn lao động biển, họ thường xuyên phải làm việc trong điều kiện rất khó khăn, khác biệt hoàn toàn với điều kiện lao động trên đất liền cả về môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và tâm sinh lý trong lao động. Trong số các lao động biển có lực lượng đảm bảo hàng hải làm nhiệm vụ bảo đảm ánh sáng, hướng dẫn tàu thuyền qua lại không bị lệch hướng, hướng dẫn ngư dân đánh bắt an toàn cũng như bảo đảm an toàn giao thông trên biển, đó là những công nhân đèn biển.

Các đối tượng này phải sống và làm việc trên các đảo không có dân hoặc bị cách biệt với dân cư thưa thớt trên đảo. Công việc ca kíp, tính chất công việc đơn điệu, ngoài ra phải đảm bảo tính liên tục vì vậy ngay trong bão lũ, giông tố, ngày nghỉ lễ, tết... người công nhân vẫn phải vận hành đèn biển hoạt động đúng quy định và đúng theo thông báo hàng hải [1], [2]. Môi trường xã hội đặc biệt chỉ có 1 giới, bị cô lập với đất liền trong thời gian dài, môi trường lao động đơn điệu, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập thấp là những nguyên nhân chính ảnh hưởng tới

gánh nặng thân kinh, tâm lý và suy giảm sức khỏe của công nhân đèn biển. Như vậy, điều kiện lao động là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới sức khỏe của người lao động [3]. Tuy nhiên, hiện nay tại Việt Nam chưa có nghiên cứu về điều kiện lao động của công nhân làm việc trên các trạm đèn biển. Do vậy, nghiên cứu này được tiến hành là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn, giúp kéo dài tuổi đời, tuổi nghề cho công nhân đèn biển.

**Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả đặc điểm điều kiện lao động và sinh hoạt của công nhân làm việc trên các trạm đèn biển khu vực Đông Bắc Việt Nam năm 2023.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

#### 2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

*Điều kiện lao động tại các trạm đèn biển)*

Các yếu tố vi khí hậu: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió

Các yếu tố vật lý: tiếng ồn, chiếu sáng tại nơi làm việc

Tổ chức lao động và điều kiện sinh hoạt trên các trạm đèn biển

Công tác chăm sóc y tế cho công nhân trên các trạm đèn biển.

*Người lao động:* 201 công nhân làm việc trên các trạm đèn biển khu vực Đông Bắc Việt Nam.

#### 2.1.2 Địa điểm và thời gian

*Địa điểm:* 19 trạm đèn biển khu vực Đông Bắc thuộc Tổng công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc gồm: Cô Tô, Vĩnh Thực, Bạch Long Vĩ, Ba Lạt, Long Châu, Hòn Dấu, Đảo Trần, Hạ Mai, Hòn Gai, Vạn Gia, Vật Cách, Sông Cấm, Bạch Đằng, Nam Triệu, Lạch Huyện, Kênh Hà Nam, Sông Chanh, Phà Rừng, Diêm Điền.

*Thời gian:* từ tháng 01/ 2023 đến tháng 10/ 2023.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

**2.2.1. Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang

**2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu**

**Cỡ mẫu đo điều kiện lao động:** 19 trạm đèn biển

Phương pháp chọn mẫu: Chọn chủ đích 19 trạm đèn biển khu vực Đông Bắc Việt Nam, tiến hành đo các thông số vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió); các yếu tố vật lý (ánh sáng và tiếng ồn). Mỗi trạm đèn biển đo 5 mẫu: 4 mẫu ở 4 góc và 1 mẫu ở trung tâm, kết quả thông số môi trường tại 1 vị trí là giá trị trung bình của 5 mẫu.

**Cỡ mẫu cho người lao động:** 201 công nhân làm việc tại các trạm đèn biển

Phương pháp chọn mẫu: chọn chủ đích toàn bộ công nhân đang làm việc tại 19 trạm đèn biển khu vực Đông Bắc Việt Nam.

**2.3. Các biến số nghiên cứu, kỹ thuật lấy mẫu và đánh giá**

Các yếu tố điều kiện lao động được xác định theo thường quy kỹ thuật Y học lao động - Vệ sinh môi trường của Viện Y học lao động và sức khỏe nghề nghiệp- môi trường. Kỹ thuật đo và khảo sát được thực hiện bởi các chuyên gia môi trường, khoa Y học môi trường Viện Y học biển.

**Các yếu tố vi khí hậu:** được đo tại các vị trí làm việc của công nhân đèn biển, đo vào ban ngày, vào mùa hè trong thời gian từ 6-18 giờ.

**Nhiệt độ(°C):** Đo bằng máy Kestrel 5500 của Mỹ

**Độ ẩm(%):** Đo bằng máy Kestrel 5500 của Mỹ

**Vận tốc gió(m/s):** Đo bằng máy Kestrel 5500 của Mỹ

**Các yếu tố vật lý:**

**Tiếng ồn (dBA):** Cường độ tiếng ồn được đo bằng máy Rion của Nhật Bản.

**Ánh sáng (Lux):** Đo bằng máy Extech Light Meter 401025 của Mỹ.

Điều tra về điều kiện tổ chức lao động và sinh hoạt

**Điều kiện tổ chức lao động và sinh hoạt của công nhân đèn biển:** được đánh giá bằng quan sát và phỏng vấn trực tiếp thông qua phiếu điều tra: Số ca làm việc trung bình/Người/1ngày; số giờ làm việc/ 1ca; thời gian làm việc trên trạm đèn biển; thời gian nghỉ trên đất liền; tình trạng uống rượu, bia và hút thuốc của công nhân đèn biển.

**Công tác chăm sóc y tế:** trang bị tủ thuốc và thiết bị y tế tại các trạm đèn biển; khám sức khỏe định kỳ; đào tạo về cấp cứu ban đầu.

**Tiêu chuẩn xác định lạm dụng rượu, bia:** Lạm dụng rượu, bia được xác định theo quy chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới: Nam uống trên 3 đơn vị rượu/ngày. Một đơn vị rượu tương đương 10 gram rượu nguyên chất chứa trong dung dịch uống – pure nit of alcohol = 01 cốc chuẩn. Một cốc chuẩn tương đương: 01 lon bia 330ml nồng độ 5%, 01 cốc rượu vang 125ml nồng độ 11%, 01 ly rượu vang mạnh 75ml nồng độ 11%, 01 ly rượu vang mạnh 75ml nồng độ 20%, 01 chén rượu mạnh 30ml nồng độ 30% hoặc 21 đơn

vị rượu/tuần; nữ uống trên 02 đơn vị/ngày hoặc 14 đơn vị/tuần [4].

**Đánh giá các yếu tố vi khí hậu:** nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió theo Thông tư số 26/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc. Đánh giá về chiếu sáng theo Thông tư số 22/2016/TT-BYT và đánh giá về tiếng ồn theo Thông tư số 24/2016/TT-BYT.

**2.4. Xử lý và phân tích số liệu :** Các số liệu nghiên cứu được nhập và xử lý theo

phương pháp thống kê y- sinh học bằng phần mềm SPSS 22.0. Các giá trị biến định lượng được trình bày dưới dạng giá trị trung bình, các giá trị biến định tính được trình bày dưới dạng tần số và tỷ lệ %.

**2.5. Đạo đức nghiên cứu:** Đề tài nghiên cứu được sự chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Viện Y học biển theo Quyết định 05/2023/QĐ-YHB. Đối tượng tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Đặc điểm môi trường vi khí hậu, vật lý trên các trạm đèn biển (n=19)**

Chỉ tiêu	Kết quả nghiên cứu			
	$\bar{X} \pm SD$	TCVSCP	SL mẫu đạt	Tỷ lệ (%)
Nhiệt độ (°C)	17,3 ± 1,59	18-32	19	100,0
Độ ẩm (%)	64,0 ± 3,34	40-80	19	100,0
Vận tốc gió (m/s)	0,9 ± 0,31	0,2 – 1,5	19	100,0
Ánh sáng (lux)	320 ± 18,51	≥ 300	19	100,0
Tiếng ồn(dBA)	71,8 ± 2,37	≤ 85	17	89,5

**Nhận xét:** Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, ánh sáng tại nơi làm việc của công nhân đèn biển 100% đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép. Về tiếng ồn, có 17 trạm đèn biển đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép (89,5%), 2 trạm đèn biển không đạt tiêu chuẩn cho phép (chiếm 10,5%).

**Bảng 2. Đặc điểm môi trường xã hội trên các trạm đèn biển (n=201)**

CTNC	KQNC	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Công nhân tại trạm đèn biển trên đảo có dân ở		159	79,1
Công nhân tại trạm đèn biển trên đảo không có dân ở		42	20,9
Giới tính	Nam	201	100
	Nữ	0	0,0

**Nhận xét:** Kết quả nghiên cứu cho thấy có 159 công nhân làm việc tại trạm đèn biển trên đảo có dân ở (79,1%) và 42 công nhân làm việc tại trạm đèn biển trên đảo không có dân ở (20,9%). 100% công nhân làm việc trên các trạm đèn biển đều là nam.

**Bảng 3. Điều kiện làm việc của công nhân trên các trạm đèn biển (n=201)**

CTNC		KQNC	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Số ca làm việc/ngày		1 ca	49	24,4
		2 ca	152	75,6
Số giờ làm việc/1ca		≤4 giờ	148	73,6
		4-8 giờ	53	26,4
		>8 giờ	0	0,0
Thời gian làm việc trên trạm đèn biển		3 tháng	198	98,5
		6 tháng	3	1,5
Thời gian nghỉ trên đất liền		1 tháng	201	100
		Khác	0	0,0

**Nhận xét:** Kết quả nghiên cứu cho thấy không có công nhân làm việc > 8 giờ/ ca. điều kiện làm việc trên các trạm đèn biển: Thời gian làm việc trên trạm đèn biển 3 152 công nhân làm việc 2 ca/ ngày (75,6%) tháng là 198 công nhân (98,5%) và 6 tháng và 49 công nhân làm việc 1 ca/ ngày là 3 công nhân (1,5%). Tất cả các công nhân (24,4%). Số giờ làm việc/1ca chủ yếu là ≤4 giờ chiếm 73,6%; từ 4-8 giờ chiếm 26,4%; làm việc trên trạm đèn biển là 1 tháng.

**Bảng 4. Thói quen uống rượu, bia và hút thuốc lá của công nhân đèn biển (n=201)**

CTNC		KQN	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Uống rượu, bia		Không	78	38,9
	Có	Không lạm dụng	95	47,2
		Lạm dụng	28	13,9
Hút thuốc lá		Không	136	67,6
	Có	< 10 điếu/ ngày	51	25,5
		10-20 điếu/ ngày	12	5,9
		> 20 điếu/ ngày	2	1,0

**Nhận xét:** 61,1% công nhân làm việc trên các trạm đèn biển có uống bia, rượu; trong đó có 13,9% công nhân lạm dụng rượu; 47,2% không lạm dụng rượu. Tỷ lệ hút thuốc lá của công nhân đèn biển là 33,4%; trong đó hút < 10 điếu/ngày (25,5%); 10-20 điếu/ngày (5,9%) và trên 20 điếu/ngày (1,0%).

**Bảng 5. Thực trạng công tác chăm sóc y tế và tập huấn về an toàn vệ sinh lao động**

CTNC	KQNC	Có		Không	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Tủ thuốc sơ cấp cứu (n=19)		19	100	0	0,0
Băng vết thương (n=19)		19	100	0	0,0
Nẹp cứu thương (n=19)		10	52,6	9	47,4
Công nhân được đào tạo về cấp cứu ban đầu (n=201)		125	62,1	76	37,9
Khám sức khỏe định kỳ (n=201)		201	100,0	0	0,0
Bảo hiểm y tế (n=201)		201	100,0	0	0,0
Đào tạo về an toàn vệ sinh lao động (n=201)		184	91,5	17	8,5

**Nhận xét:** Kết quả nghiên cứu cho thấy 100% trạm đèn biển có tủ thuốc sơ cấp cứu và băng vết thương; 52,6% có nẹp cứu thương; 125 công nhân được đào tạo về cấp cứu ban đầu (62,1%). 100% công nhân đèn biển được mua bảo hiểm y tế và khám sức khỏe định kỳ; 91,5% được đào tạo về an toàn vệ sinh lao động.

#### IV. BÀN LUẬN

Vi khí hậu là một yếu tố mà tất cả các doanh nghiệp đều phải đánh giá theo định kỳ, vi khí hậu không đảm bảo sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động, đồng thời sẽ ảnh hưởng đến năng suất lao động. Chúng tôi tiến hành quan trắc vi khí hậu tại nơi làm việc trên 19 trạm đèn biển, kết quả nghiên cứu cho thấy 100% các mẫu nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép. Giải thích điều này chúng tôi cho rằng các trạm đèn biển được xây dựng trên các đảo có khí hậu biển tương đối mát mẻ, thoáng đãng, do đó điều kiện về vi khí hậu đều đạt tiêu chuẩn cho phép là điều hợp lý.

Điều kiện vi khí hậu có sự khác nhau giữa các doanh nghiệp; nghiên cứu của tác

giả Hoàng Thị Thu Hà và cộng sự về vi khí hậu của công nhân làm việc tại khu công nghiệp Biên Hòa cho thấy 41,67% các mẫu vi khí hậu không đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép [5]. Nghiên cứu của tác giả Bùi Hoàng Nam trên đối tượng công nhân may công nghiệp tại Hưng Yên ghi nhận 14,3% các mẫu vi khí hậu không đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép [6].

Tiếng ồn có thể ảnh hưởng đến sự thoải mái và trạng thái tinh thần của người lao động trong môi trường làm việc. Tiếng ồn với tần số cao sẽ gây giảm thính lực và có thể gây bệnh điếc nghề nghiệp. Tiếng ồn với tần số thấp tuy không gây điếc nghề nghiệp nhưng tiếp xúc kéo dài sẽ gây ra rối loạn hệ thần kinh thực vật, ảnh hưởng đến hệ thần kinh, tim mạch, tiêu hóa,... làm cho người lao động sẽ dễ mệt mỏi, giảm sức khỏe, giảm năng suất lao động, dễ bị tai nạn lao động [7]. Kết quả quan trắc 19 trạm đèn biển về tiếng ồn cho thấy có 17 trạm đèn biển đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép (89,5%), 2 trạm đèn biển không đạt tiêu chuẩn cho phép (10,5%). Giải thích điều này, trong quá trình nghiên cứu chúng tôi thấy rằng, hiện nay một

số trạm đèn biển chưa có điện lưới nên vẫn phải dùng máy phát điện, vị trí đặt máy phát điện tương đối gần phòng làm việc nên cường độ tiếng ồn ở khu vực này vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

Nghề gác đèn là 1 nghề đặc biệt, với những trạm đèn biển không có dân sinh sống, công nhân đèn biển bị cách biệt với đời sống xã hội thường ngày trên đất liền, mọi sinh hoạt, lao động đều bị giới hạn trên đảo, xung quanh là biển cả mênh mông. Kết quả nghiên cứu bảng 2 cho thấy có 159 công nhân làm việc tại trạm đèn biển trên đảo có dân ở (79,1%) và 42 công nhân làm việc tại trạm đèn biển trên đảo không có dân ở (20,9%). 100% công nhân làm việc trên các trạm đèn biển đều là nam. Công nhân làm việc trên các trạm đèn biển mang tính ca kíp: 75,6% công nhân làm việc 2 ca/ ngày (làm 4 tiếng, nghỉ 8 tiếng); 24,4% công nhân làm việc 1 ca 8 tiếng/ ngày. Số giờ làm việc/1ca chủ yếu là  $\leq 4$  giờ chiếm 73,6%; từ 4-8 giờ chiếm 26,4%; không có công nhân làm việc trên 8 giờ/ ca. Thời gian làm việc trên trạm đèn biển thường là 3 tháng (98,5%); có 3 công nhân phải làm việc liên tục 6 tháng trên trạm đèn biển. Tất cả các công nhân đều có thời gian nghỉ ngơi trên đất liền sau khi làm việc trên trạm đèn biển là 1 tháng. Như vậy, có thể nói công nhân làm việc trên các trạm đèn biển là một nghề khá đặc biệt, công việc biệt lập với đất liền, 100% là nam giới, công việc mang tính ca kíp, xa gia đình, người thân trong thời gian dài... các yếu tố đó tác động tạo ra gánh nặng thần kinh - tâm lý ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

Một nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Tâm và cộng sự về điều kiện lao động của thuyền viên làm việc trên các tàu vận tải viễn dương cho thấy cường độ tiếng ồn trong buồng máy vượt quá tiêu chuẩn cho phép, 100% thuyền viên phải làm việc ca kíp (làm 4 tiếng nghỉ 8 tiếng và tiếp tục ca tiếp theo 4 tiếng); mỗi chuyến đi biển thường kéo dài 9-12 tháng, cách trở cấp bậc trên tàu... các yếu tố trên tác động làm rối loạn thần kinh thực vật, gây rối loạn thần kinh - tâm lý cho thuyền viên [8].

Về thực trạng công tác chăm sóc y tế và tập huấn về an toàn vệ sinh lao động; kết quả nghiên cứu cho thấy 100% trạm đèn biển có tủ thuốc sơ cấp cứu và băng vết thương; 52,6% có nẹp cứu thương; 125 công nhân được đào tạo về cấp cứu ban đầu (62,1%). 100% công nhân đèn biển được mua bảo hiểm y tế và khám sức khỏe định kỳ; 91,5% được đào tạo về an toàn vệ sinh lao động. Mặc dù các trạm đèn biển đều được trang bị tủ thuốc, tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu, quan sát chúng tôi thấy rằng các tủ thuốc không đầy đủ về số lượng các thuốc thiết yếu, điều này sẽ gây khó khăn cho công nhân đèn biển khi họ bị các vấn đề về sức khỏe, không đủ cơ số thuốc và thiết bị y tế để xử lý ban đầu, việc vận chuyển vào cơ sở y tế trên bờ gặp nhiều khó khăn do xa cách về địa lý.

## V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu 19 trạm đèn biển khu vực Đông Bắc về điều kiện lao động chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Điều kiện môi trường vi khí hậu: nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió nằm trong tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

Tiếng ồn: 2/19 trạm đèn biển có cường độ tiếng ồn vượt quá tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

Điều kiện môi trường vi xã hội: 100% là nam giới

Tỷ lệ 98,5% công nhân làm việc trên trạm đèn biển liên tục 3 tháng, thời gian công nhân được nghỉ trên đất liền là 1 tháng.

Tỷ lệ công nhân đèn biển uống bia, rượu là 61,1% trong đó lạm dụng rượu là 13,9%. Tỷ lệ hút thuốc lá là 32,4%.

Tỷ lệ 61,2% công nhân được đào tạo về cấp cứu ban đầu; 91,5% công nhân được đào tạo về an toàn vệ sinh lao động.

Tỷ lệ 100% trạm đèn biển có tủ thuốc sơ cấp cứu và băng vết thương; 52,6% có nẹp cứu thương. 100% công nhân được khám sức khoẻ định kỳ và có thẻ bảo hiểm y tế.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Tito Boeri, Pietro Garibaldi.** The Lighthouse Effect and Beyond. The Review of Income and Wealth (2011), 57(s1), 54 – 78.
2. **Asmul Khairia, Dedi Purwanab.** A Motivation Study of the Lighthouse Keepers in Indonesia, International Journal of Innovation, Creativity and Change (2020), Vol. 14, Issue 7, pp: 602 – 618.

3. **Trần Thị Quỳnh Chi, Nguyễn Trường Sơn.** Bước đầu nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến tâm sinh lý của công nhân đảo Đèn khu vực Bắc Việt Nam. Tạp chí Y học thực hành (2003), số 444, tr 68 - 70.
4. **World Health Organization (WHO).** Global status report on alcohol and health 2018. <https://www.who.int/publications/item/9789241565639> (accessed June 28, 2023).
5. **Hoàng Thị Thu Hà và Cộng Sự.** Tỷ lệ và các biểu hiện lâm sàng của một số rối loạn tâm thần của công nhân tại khu công nghiệp biên hoà 2. Tạp chí khoa học - đại học Đồng Nai (2016), số 02, tr 51-60.
6. **Bùi Hoàng Nam.** Nghiên cứu điều kiện lao động, tình trạng sức khỏe và hiệu quả biện pháp huấn luyện an toàn-vệ sinh lao động cho công nhân may công nghiệp tại Hưng Yên. Luận án tiến sĩ Y tế công cộng (2017), Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
7. **Mohd Azrin Mohd Said, Zinnirah Wellun.** Effects of Noise Hazards towards Physiology Especially Heart Rate Performance among Worker in Manufacturing Industry and Their Prevention Strategies: A Systematic Review. Iran J Public Health (2022), 51(8): 1706–1717.
8. **Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Trường Sơn.** Thực trạng điều kiện lao động của ngư dân và thuyền viên khu vực phía bắc Việt Nam năm 2014-2016. Tạp chí Y học dự phòng (2016), Tập 27, Số 10, trang 143 – 152.